**BÀI TẬP VỀ MẢNG….**

**1…**Mảng là một biến có khả năng lưu trữ nhiều phần tử, mỗi phần tử có thể mang bất cứ một kiểu giá trị nào mà PHP hỗ trợ như interger, float, string, array,…

Có 2 loại mảng trong PHP: màng một chiều và mảng nhiều chiều và có 2 cách để khai báo một mảng: khai báo mảng liên tục và khai báo mảng không liên tục.

**Các cách tạo mảng trong php và ví dụ:**

1.Mảng một chiều có chỉ mục: là mảng được quản lý bằng cách sử dụng chỉ số dưới kiểu integer để biểu thị vị trí của giá trị yêu cầu.Cú pháp: $name[index1];  
 Ví dụ: một mảng một chiều có thể được tạo ra như sau:

PHP Code:

$meat[0]="chicken";  
  
            $meat[1]="steak";  
  
            $meat[2]="turkey";

2.Mảng một chiều kết hợp: rất thuận lợi khi dùng để ánh xạ một mảng sử dụng các từ hơn là sử dụng các số ( integer), nó giúp ta giảm bớt thời gian và các mã yêu cầu để hiển thị một giá trị cụ thể.  
 Ví dụ: bạn muốn ghi lại tất cả các thức ăn và các cặp rượu ngon trong việc ăn nhậu của mình.

PHP Code:

$annhau["ruou"] = "Minh Mạng Tửu";  
  
$annhau["khaivi"] = "Lạc rang";  
  
$annhau["Trangmieng"] = "Chuối";

3.Mảng nhiều chiều có chỉ mục: chức năng của nó cũng giống như mảng một chiều có chỉ mục, ngoại trừ việc nó có thêm một mảng chỉ mục được dùng để chỉ định một phần tử. Cú pháp: $name[index1] [index2]..[indexN];  
  
 Ví Dụ

Một mảng hai chiều có chỉ mục được tạo ra như sau:

PHP Code:

$position = $chess\_board[5][4];

4.Mảng đa chiều kết hợp: khá hữu ích trong PHP. Giả sử bạn muốn ghi lại các cặp rượu-thức ăn, không chỉ loại rượu, mà cả nhà sản xuất. Bạn có thể thực hiện như sau:

Ví Dụ

PHP Code:

$pairings["Martinelli"] ["zinfandel"] = "Broiled Veal Chops";  
  
$pairings["Beringer"] ["merlot"] = "Baked Ham";  
  
$pairings["Jarvis"] ["sauvignon"] = "Prime Rib";

**2…Cách lặp giá trị trong mảng và cho ví dụ**

Cú pháp:

foreach($array as $temp)

{ Hành Động }

Trong đó $array là mảng mà ta muốn thực thi việc lặp dữ liệu, và $temp là một biến trong đó ta sẽ tạm thời lưu trữ mỗi phần tử.

Ví dụ:

<?php

$name= array("Kenny", "Jiro", "Calvin", "Gillian");

foreach ($name as $test)

{ echo "$test<br>"; }

?>

*b) Lặp lại qua một mảng kết hợp:*

Cú pháp:

Foreach($array as $key=>$value)

{ Hành Động }

Trong đó $array là mảng mà ta muốn thực thi việc lặp dữ liệu, $key là một biến vốn tạm thời chứa mỗi khóa, và $value là một biến vốn tạm thời chữa mỗi giá trị.

Ví dụ:

<?php

$person= array(name=>"Kenny", job=>"Teacher", email=>"whiletionvn@gmail.com", age=>"38");

foreach($person as $key=>$test)

{

echo "Key: $key. Gia Tri: $test<br>";

}

?>

3…

|  |  |
| --- | --- |
| [array()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham-array-trong-php.html) | Tạo một mảng mới |
| [array\_change\_key\_case()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham-array_change_key_case.html) | Thay đổi tất cả các khóa trong một mảng thành chữ thường hay chữ hoa  Ví dụ:  <?php $age=array("Peter"=>"35","Ben"=>"37","Joe"=>"43"); print\_r(array\_change\_key\_case($age,CASE\_UPPER)); ?> |
| [array\_chunk()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham-array_chunk.html) | Tách một mảng thành nhiều phần của mảng  Ví dụ:  <?php $cars=array("Volvo","BMW","Toyota","Honda","Mercedes","Opel"); print\_r(array\_chunk($cars,2)); ?> |
| [array\_column()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham-array_column.html) | Trả về giá trị từ một cột duy nhất trong mảng  Ví dụ:  <?php // An array that represents a possible record set returned from a database $a = array(   array(     'id' => 5698,     'first\_name' => 'Peter',     'last\_name' => 'Griffin',   ),   array(     'id' => 4767,     'first\_name' => 'Ben',     'last\_name' => 'Smith',   ),   array(     'id' => 3809,     'first\_name' => 'Joe',     'last\_name' => 'Doe',   ) );  $last\_names = array\_column($a, 'last\_name'); print\_r($last\_names); ?> |
| [array\_combine()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_combine.html) | Tạo một mảng mới từ một mảng là từ khóa, một mảng là giá trị.  Ví dụ:  <?php $fname=array("Peter","Ben","Joe"); $age=array("35","37","43");  $c=array\_combine($fname,$age); print\_r($c); ?> |
| [array\_count\_values()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_count_values.html) | Trả về số lần xuất hiện của tất cả giá trị trong mảng  Ví dụ:  <?php $a=array("A","Cat","Dog","A","Dog"); print\_r(array\_count\_values($a)); ?> |
| [array\_diff()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_diff.html) | So sánh mảng, và trả về sự khác biệt(chỉ so sánh giá trị)  Ví dụ:  <?php $a1=array("a"=>"red","b"=>"green","c"=>"blue","d"=>"yellow"); $a2=array("e"=>"red","f"=>"green","g"=>"blue");  $result=array\_diff($a1,$a2); print\_r($result); ?> |
| [array\_diff\_assoc()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_diff_assoc.html) | So sánh mảng, và trả về sự khác biệt(so sánh khóa và giá trị)  Ví dụ:  <?php $a1=array("a"=>"red","b"=>"green","c"=>"blue","d"=>"yellow"); $a2=array("a"=>"red","b"=>"green","c"=>"blue");  $result=array\_diff\_assoc($a1,$a2); print\_r($result); ?> |
| [array\_diff\_key()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_diff_key.html) | So sánh mảng, và trả về sự khác biệt(chỉ so sánh các khóa)  Ví dụ:  <?php $a1=array("a"=>"red","b"=>"green","c"=>"blue"); $a2=array("a"=>"red","c"=>"blue","d"=>"pink");  $result=array\_diff\_key($a1,$a2); print\_r($result); ?> |
| [array\_diff\_uassoc()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_diff_uassoc.html) | So sánh mảng, và trả về sự khác biệt(so sánh khóa và giá trị, sử dụng hàm so sánh do người dùng định nghĩa)  Ví dụ:  <?php function myfunction($a,$b) { if ($a===$b)   {   return 0;   }   return ($a>$b)?1:-1; }  $a1=array("a"=>"red","b"=>"green","c"=>"blue"); $a2=array("d"=>"red","b"=>"green","e"=>"blue");  $result=array\_diff\_uassoc($a1,$a2,"myfunction"); print\_r($result); ?> |
| [array\_diff\_ukey()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_diff_ukey.html) | So sánh mảng, và trả về sự khác biệt(chỉ so sánh phím, sử dụng hàm so sánh do người dùng định nghĩa)  Ví dụ: |
| [array\_fill()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_fill.html) | Điền vào một mảng với các giá trị  Ví dụ: |
| [array\_fill\_keys()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_fill_keys) | Điền vào một mảng với các giá trị quy định cụ thể các khóa  Ví dụ: |
| [array\_filter()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_filter.html) | Lọc các giá trị của một mảng bằng cách sử dụng hàm gọi lại  Ví dụ: |
| [array\_flip()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_flip.html) | Bật / trao đổi tất cả các phím có khóa liên quan trong một mảng  Ví dụ: |
| [array\_intersect()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham-array_intersect.html) | So sánh mảng, và trả về các phần giống nhau(chỉ so sánh giá trị)  Ví dụ: |
| [array\_intersect\_assoc()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_intersect_assoc.html) | So sánh mảng và trả về các phần giống nhau(so sánh khóa và giá trị)  Ví dụ: |
| [array\_intersect\_key()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_intersect_key.html) | So sánh mảng, và trả về các phần giống nhau(so sánh khóa)  Ví dụ: |
| [array\_intersect\_uassoc()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_intersect_uassoc.html) | So sánh mảng, và trả về các phần giống nhau (so sánh khóa và giá trị, sử dụng hàm so sánh do người dùng định nghĩa)  Ví dụ: |
| [array\_intersect\_ukey()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham-array_intersect_ukey.html) | So sánh mảng, và trả về các phần giống nhau (chỉ so sánh khóa, sử dụng hàm do người dùng định nghĩa)  Ví dụ: |
| [array\_key\_exists()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_key_exists.html) | Kiểm tra sự tồn tại của khóa trong mảng  Ví dụ: |
| [array\_keys()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_keys.html) | Trả về tất cả khóa của mảng  Ví dụ: |
| [array\_map()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_map.html) | Gửi mỗi giá trị của một mảng tới một hàm do người dùng tạo ra, trong đó trả về các giá trị mới  Ví dụ: |
| [array\_merge()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_merge.html) | Kết hợp một hoặc nhiều mảng thành một mảng  Ví dụ: |
| [array\_merge\_recursive()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_merge_recursive.html) | Kết hợp một hoặc nhiều mảng thành một mảng đệ quy  Ví dụ: |
| [array\_multisort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_multisort.html) | Sắp xếp nhiều hoặc mảng đa chiều  Ví dụ: |
| [array\_pad()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_pad.html) | Chèn một số lượng thành phần, với một giá trị nhất định, vào một mảng  Ví dụ: |
| [array\_pop()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_pop.html) | Xóa phần tử cuối cùng của một mảng  Ví dụ: |
| [array\_product()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_product.html) | Tích của tất cả giá trị trong mảng  Ví dụ: |
| [array\_push()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_push.html) | Chèn một hoặc nhiều phần tử vào cuối mảng  Ví dụ: |
| [array\_rand()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_rand.html) | Trả về một hoặc nhiều khóa ngẫu nhiên từ một mảng  Ví dụ: |
| [array\_reduce()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_reduce.html) | Trả về một mảng như là một chuỗi, bằng cách sử dụng hàm do người dùng định nghĩa  Ví dụ: |
| [array\_replace()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_replace.html) | Thay thế các giá trị của mảng đầu tiên với giá trị từ mảng sau  Ví dụ: |
| [array\_replace\_recursive()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_replace_recursive.html) | Thay thế các giá trị của mảng thứ nhất với các giá trị sau mảng đệ quy  Ví dụ: |
| [array\_reverse()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_reverse.html) | Trả về một mảng theo thứ tự ngược lại  Ví dụ: |
| [array\_search()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_search.html) | Tìm kiếm một giá trị nhất định trong mảng và trả lại chìa khóa  Ví dụ: |
| [array\_shift()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_shift.html) | Loại bỏ các yếu tố đầu tiên từ một mảng và trả về giá trị của phần tử bị loại bỏ  Ví dụ: |
| [array\_slice()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_slice.html) | Trả lại cac phần được chọn của mảng  Ví dụ: |
| [array\_splice()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_splice.html) | Loại bỏ và thay thế các thành phần quy định của một mảng  Ví dụ: |
| [array\_sum()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_sum.html) | Trả về tổng các giá trị trong một mảng  Ví dụ: |
| [array\_udiff()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_udiff.html) | So sánh mảng, và trả về sự khác biệt(chỉ so sánh giá trị, sử dụng một hàm so sánh do người dùng định nghĩa)  Ví dụ: |
| [array\_udiff\_assoc()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_udiff_assoc.html) | So sánh mảng, và trả về sự khác biệt(so sánh khóa và giá trị, sử dụng một hàm được xây dựng sẵn để so sánh các phím và hàm do người dùng định nghĩa để so sánh các giá trị)  Ví dụ: |
| [array\_udiff\_uassoc()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_udiff_uassoc.html) | So sánh mảng, và trả về sự khác biệt(so sánh khóa và giá trị, sử dụng hai hàm so sánh do người dùng định nghĩa)  Ví dụ: |
| [array\_uintersect()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_uintersec.html) | So sánh mảng, và trả về sự giống nhau(chỉ so sánh giá trị, sử dụng hàm so sánh do người dùng định nghĩa)  Ví dụ: |
| [array\_uintersect\_assoc()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham-array_uintersect_assoc.html) | So sánh mảng, và trả về sự giống nhau(so sánh khóa và giá trị, sử dụng một hàm được xây dựng sẵn để so sánh các khóa và hàm do người dùng định nghĩa để so sánh các giá trị)  Ví dụ: |
| [array\_uintersect\_uassoc()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_uintersect_uassoc.html) | So sánh mảng, và trả về sự giống nhau(so sánh khóa và giá trị, sử dụng hai hàm so sánh do người dùng định nghĩa)  Ví dụ: |
| [array\_unique()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_unique.html) | Loại bỏ tất cả các giá trị giống nhau trong mảng  Ví dụ: |
| [array\_unshift()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_unshift.html) | Thêm một hoặc nhiều thành phần vào đầu một mảng  Ví dụ: |
| [array\_values()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_values.html) | Trả về tất cả giá trị của mảng  Ví dụ: |
| [array\_walk()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_walk.html) | Chạy mỗi phần tử mảng trong một hàm người dùng đã định nghĩa  Ví dụ: |
| [array\_walk\_recursive()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_array_walk_recursive.html) | Chạy đệ quy mỗi phần tử mảng trong một hàm người dùng đã định nghĩa Ví dụ: |
| [arsort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_arsort.html) | Sắp xếp một mảng kết hợp theo thứ tự giảm dần, theo giá trị  Ví dụ: |
| [asort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_asort.html) | Sắp xếp một mảng kết hợp theo thứ tự tăng dần, theo giá trị  Ví dụ: |
| [compact()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_compact.html) | Tạo ra mảng chứa giá trị  Ví dụ: |
| [count()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_count.html) | Trả về số lượng phần tử trong mảng  Ví dụ: |
| [current()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_current) | Trả về thành phần hiện tại của mảng  Ví dụ: |
| [each()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_each.html) | Trả về cặp khóa và giá trị hiện tại từ một mảng  Ví dụ: |
| [end()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham-end.html) | Trả về thành phần cuối cùng của mảng  Ví dụ: |
| [in\_array()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_in_array.html) | Kiểm tra sự tồn tại của giá trị trong mảng  Ví dụ: |
| [key()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_key.html) | Lấy một khóa từ mảng  Ví dụ: |
| [krsort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_krsort.html) | Sắp xếp một mảng kết hợp theo thứ tự giảm dần, theo khóa  Ví dụ: |
| [ksort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_ksort.html) | Sắp xếp một mảng kết hợp theo thứ tự tăng dần, theo khóa  Ví dụ: |
| [list()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_list) | Gán biến như là một mảng  Ví dụ: |
| [natsort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_natsort.html) | Sắp xếp một mảng sử dụng một thuật toán “trật tự tự nhiên”  Ví dụ: |
| [next()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_next.html) | Thúc đẩy con trỏ mảng nội bộ của một mảng  Ví dụ: |
| [pos()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_pos.html) | Trả về giá trị của các phần tử hiện tại trong mảng  Ví dụ: |
| [prev()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_prev.html) | Quay lại con trỏ trong mảng  Ví dụ: |
| [range()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_range.html) | Tạo ra một mảng có chứa một loạt các yếu tố  Ví dụ: |
| [reset()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_reset.html) | Thiết lập con trỏ bên trong một mảng đến yếu tố đầu tiên của mình  Ví dụ: |
| [rsort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_rsort.html) | Sắp xếp một mảng được lập chỉ mục theo thứ tự giảm dần  Ví dụ: |
| [shuffle()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_shuffle.html) | Thay đổi ngẫu nhiên vị trí của các phần tử trong mảng  Ví dụ: |
| [sizeof()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_sizeof.html) | Trả về số lượng phần tử trong mảng  Ví dụ: |
| [sort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_sort.html) | Sắp xếp một mảng theo số thứ tự tăng dần  Ví dụ: |
| [uasort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_uasort.html) | Sắp xếp một mảng các giá trị sử dụng hàm so sánh do người dùng định nghĩa  Ví dụ: |
| [uksort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_uksort.html) | Sắp xếp một mảng bằng cách sử dụng một khóa truyền vào hàm do người dùng định nghĩa  Ví dụ: |
| [usort()](http://hocwebchuan.net/ham-php/ham_usort.html) | Sắp xếp một mảng sử dụng hàm so sánh do người dùng định nghĩa  Ví dụ: |